

NGÀNH NGÂN HÀNG

Tích lũy động lực



NỘI DUNG

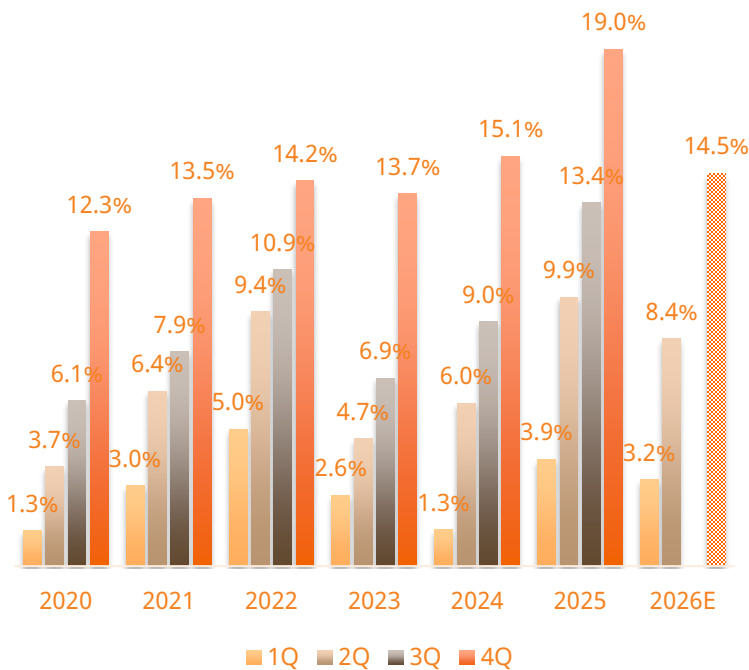
Tăng trưởng tín dụng	3
Tăng trưởng phân hóa	3
Mảng ngân hàng đầu tư dần khởi sắc	4
Huy động và lãi suất	5
Vùng phù hợp	5
Dần hạ nhiệt	6
Thanh khoản	7
Tạo dư địa	7
Chất lượng tài sản	8
Trong tầm kiểm soát	8
Dao động nhẹ	9
Khả năng sinh lời	10
Phục hồi từ lỗi	10
Điểm nhấn chất lượng	11
Các chỉ số chính	12
Định giá và điểm nhấn đầu tư	13
Thị giá lệch pha	13
Biểu đồ	
Tăng trưởng tín dụng	3
Tỷ trọng bán lẻ	4
Phát hành TPDN	4
...	

Tăng trưởng tín dụng

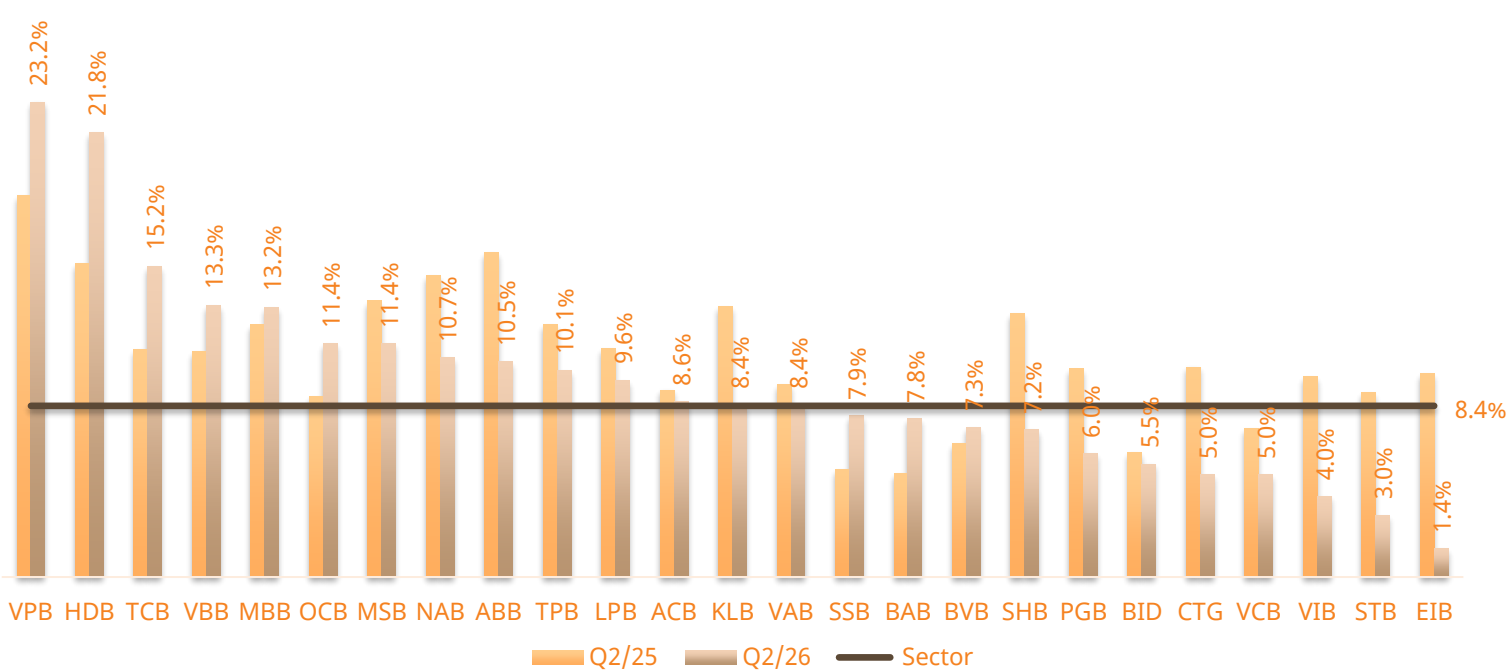
Tăng trưởng phân hóa

- Tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống tăng tốc trong Q2/2026, dù mức độ tăng trưởng có sự phân hóa rõ nét giữa các ngân hàng.** Đến cuối 6T2026, tín dụng toàn hệ thống tăng 8.37% sv.25, tăng tốc đáng kể so với mức 3.18% trong Q1/2026, trước khi đạt gần 9.1% vào giữa T8/2026. Tăng trưởng tín dụng tại các NHNY đạt 9.3% sv.25 trong 6T2026, chủ yếu được dẫn dắt bởi nhóm NHTN lớn với hạn mức tín dụng và bảng cân đối tốt, nổi bật với VPB (+23.2%), HDB (+21.8%), TCB (+15.2%) và MBB (+13.2%). Trong khi đó, các NHQD lớn như BID, CTG, và VCB chỉ ghi nhận mức tăng trưởng quanh 5%. Tăng trưởng lệch pha phản ánh những áp lực về thanh khoản, vốn vẫn duy trì trong vài năm trở lại đây do chênh lệch tăng trưởng cho vay và huy động tiền gửi.
- Duy trì dự phóng tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống năm 2026 ở mức 14.5%.** Mặc dù tăng trưởng tín dụng duy trì mức cao trong 6T2026, tốc độ tăng trưởng kỳ vọng phần nào chững lại trong nửa sau 2026. Định hướng chính sách dự kiến vẫn hỗ trợ linh hoạt và điều hướng ưu tiên cho các lĩnh vực trọng tâm liên quan sản xuất – kinh doanh và các đại dự án. Tuy nhiên, áp lực huy động vẫn chưa cho thấy cải thiện rõ nét, và việc đối mặt nhiều trở ngại trong cân đối hoạt động và mở rộng tăng trưởng không phải cục bộ tại một vài ngân hàng. Bên cạnh đó, lạm phát duy trì ở mức cao — với CPI bình quân 8T2026 và CPI cơ bản lần lượt tăng 4.45% và 4.24% svck. — có thể khiến nhà điều hành cần trọng hơn trong định mức tăng trưởng. Hơn nữa, mặt bằng lãi suất nội địa vẫn có rủi ro tăng và áp lực tỷ giá quay trở lại, khi các NHTW lớn có khả năng tạm hoãn hay đảo chiều quá trình nới lỏng khi lạm phát tại các quốc gia tăng trở lại, cũng ảnh hưởng phần nào đến triển vọng tín dụng.

Tăng trưởng tín dụng so với đầu năm (2021-2026)



Tăng trưởng tín dụng của các NH



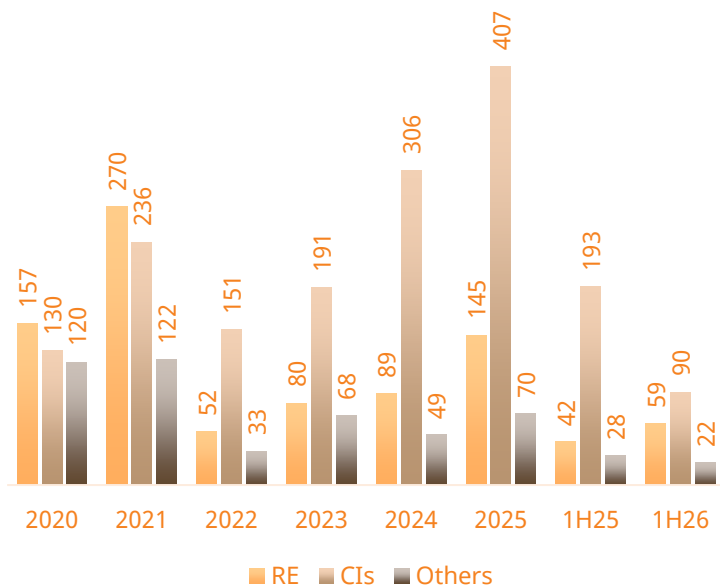
Nguồn: NHNN, Dữ liệu doanh nghiệp, Mirae Asset VN

Tăng trưởng tín dụng (tt.)

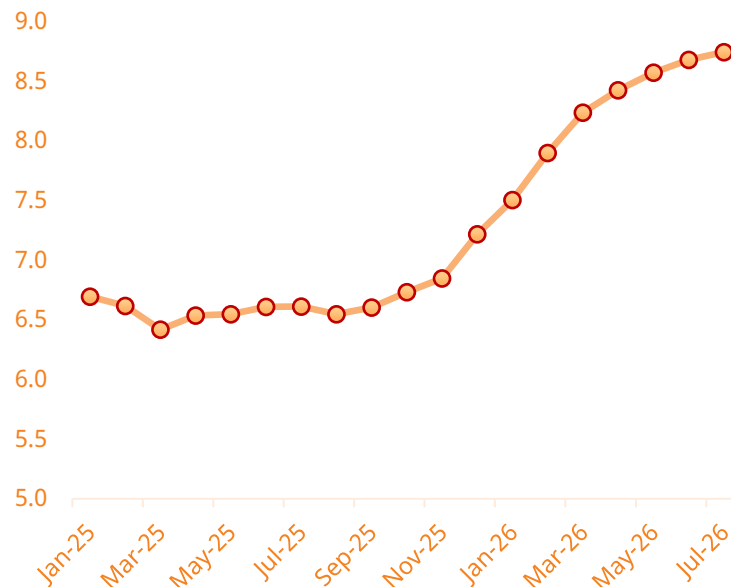
Mảng ngân hàng đầu tư dần khởi sắc

- Cho vay bán lẻ tiếp tục kém tích cực trong bối cảnh còn nhiều yếu tố bất định.** Nhu cầu tín dụng từ KHCN vẫn chưa khởi sắc phản ánh sự bất định của môi trường vĩ mô đi kèm với triển vọng đầu tư BĐS kém và mặt bằng lãi vay cao. Theo BXD, thị trường BĐS tiếp tục trầm lắng, với số lượng giao dịch Q2/2026 trên cả nước ghi nhận giảm 28.5% sv.Q1 và 36.3% svck, khi giá vẫn neo ở vùng cao trong khi nguồn cung sản phẩm giá phù hợp hạn chế ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận. Mảng cho vay KHDN kỳ vọng duy trì dẫn dắt mặc dù sự lệch pha dự kiến thu hẹp phần nào so với diễn tiến 6T2026.
- Lãi suất cho vay bình quân tiếp tục tăng, nhưng tốc độ tăng cho dấu hiệu dần chững lại.** Đến cuối T7, lãi suất cho vay bình quân đã tăng khoảng 220đcb sv.mức thấp thiết lập khoảng giữa 2025, gây tác động đáng kể đến nhu cầu tín dụng, đặc biệt ở phân khúc bán lẻ và doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNVVN). Chúng tôi cho rằng lãi suất cho vay nhiều khả năng đã tiệm cận đỉnh, và bất kỳ mức tăng thêm nào dự kiến do tác động ngắn hạn từ độ trễ của các đợt điều chỉnh tăng lãi suất trước đó, thay vì xác lập một xu hướng tăng mới. Những chỉ đạo ổn định lãi suất cho vay, cùng với các biện pháp hỗ trợ thanh khoản, sẽ giúp hạn chế áp lực tăng thêm trong nửa cuối 2026.
- Tăng trưởng thị trường TPDN vẫn có phần khiêm tốn so với tín dụng ngân hàng, do lượng phát hành còn tương đối thấp.** Dư nợ toàn thị trường đạt khoảng 1.38 triệu tỷ vào cuối Q2/2026, tương đương khoảng 6.8% tổng tín dụng và giảm 0.5%p sv.Q1. Giá trị phát hành Q2/2026 giảm 8.5% svck., do tác động giảm của nhóm phát hành chủ đạo trong 3-4 năm trở lại đây là các NHTM, -39.4% svck., trong bối cảnh chi phí huy động tại kênh này gia tăng. Lợi suất trái phiếu nhóm này ghi nhận tăng mạnh từ khoảng 6% trong năm 2025 lên ~8.5% hiện tại. Đối với các nhà phát triển BĐS, dù xu hướng lãi suất có phần bình ổn, nhưng chi phí huy động của nhóm ngành này vẫn tương đối cao với lãi suất phát hành ghi nhận khoảng 12-13%. Trong khi đó, hoạt động ngân hàng đầu tư thể hiện xu hướng phục hồi rõ nét, được hỗ trợ bởi sự cải thiện của các hoạt động tư vấn và bảo lãnh phát hành, được kỳ vọng sẽ trở lại thành động lực tăng trưởng và đa dạng hóa cho danh mục tín dụng cũng như nguồn thu của các ngân hàng.

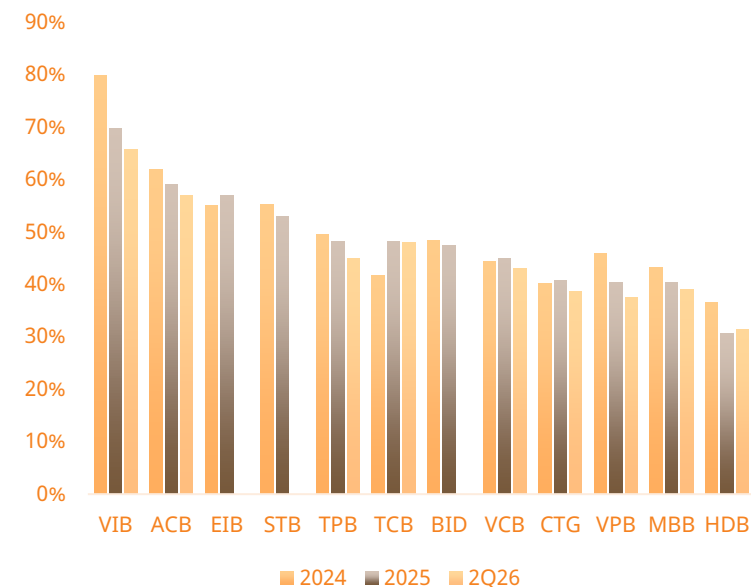
Phát hành TPDN (nghìn tỷ)



Lãi suất cho vay bình quân



Tỷ trọng KHCN



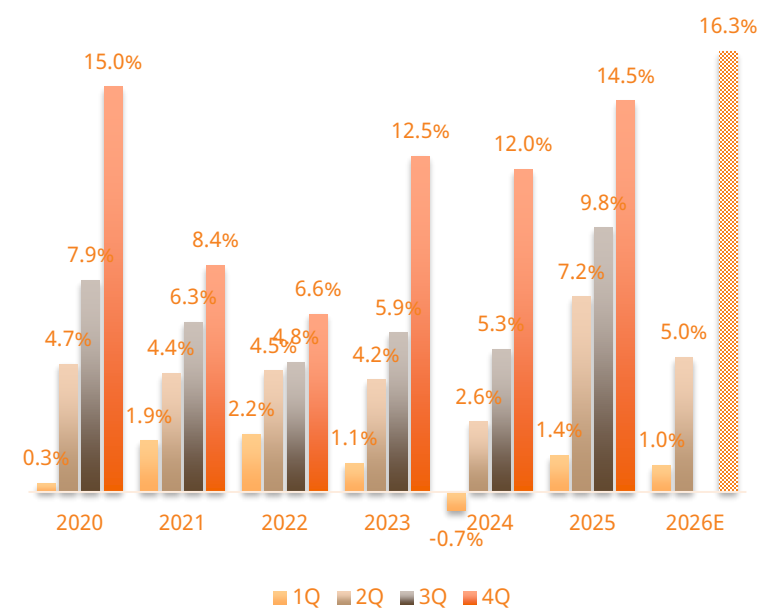
Nguồn: VBMA, Dữ liệu công ty, Mirae Asset Vietnam
Chú thích: RE: bất động sản; CIs: NHTM; Others: khác

Huy động và lãi suất

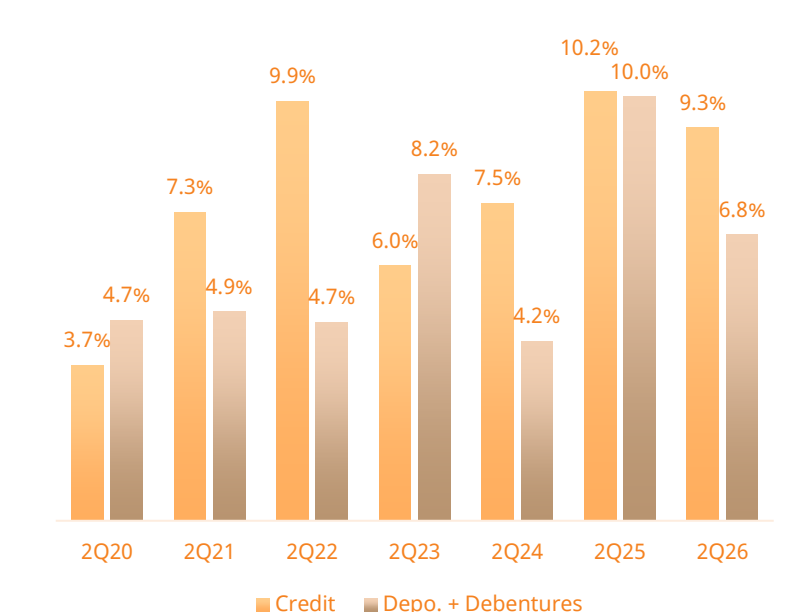
Vùng phù hợp

- Tăng trưởng tiền gửi cải thiện đáng kể trong Q2/2026 nhưng vẫn chưa theo kịp tín dụng.** Đến cuối 6T2026, tiền gửi toàn hệ thống tăng 5.0% sv.2025, cải thiện mạnh từ mức 0.8% tại cuối Q1/2026, nhưng vẫn thấp hơn mức tăng 8.4% của tín dụng, khiến chênh lệch tăng trưởng tín dụng – tiền gửi mở rộng lên 3.4%p. Đáng chú ý, tiền gửi khách hàng cá nhân phục hồi khá mạnh, tăng 7.1% sv.2025, vượt xa mức tăng 3.1% của tiền gửi doanh nghiệp. Diễn biến này cho thấy tích lũy hộ gia đình đang cải thiện và dòng tiền có xu hướng quay lại hệ thống ngân hàng khi mức độ bất định gia tăng tại các kênh đầu tư khác bên cạnh sự lựa chọn còn khá hạn chế.
- Các NHNN có phần thận trọng trong huy động vốn vay trong 6T2026, khi phải cân đối giữa chi phí vốn và nhu cầu mở rộng bảng cân đối.** Cơ cấu nguồn vốn vẫn có sự phân hóa nhất định, khi các ngân hàng tỏ ra khá thận trọng trong việc đẩy mạnh huy động cả tiền gửi truyền thống và giấy tờ có giá, trong bối cảnh chi phí vốn vẫn ở mức cao. Thay vì can thiệp trực tiếp vào vận động của môi trường lãi suất, nhà điều hành hỗ trợ các ngân hàng mật quy định thanh khoản, giúp hạn chế cạnh tranh huy động đẩy lãi suất tiếp tục leo thang.
- Duy trì kỳ vọng tăng trưởng tiền gửi vẫn khởi sắc trong nửa sau 2026, nhờ đà phục hồi của tiền gửi cá nhân và mặt bằng lãi suất phù hợp.** Tăng trưởng mạnh của tiền gửi cá nhân cho thấy lãi suất tiền gửi tăng đã bắt đầu thu hút dòng tiền trở lại hệ thống ngân hàng, và xu hướng này còn dư địa cải thiện khi thu nhập hộ gia đình và hoạt động kinh tế tăng tốc. Khi lãi suất tiền gửi dần ổn định, đặc biệt tại các ngân hàng lớn, động thái chờ lãi suất tăng thêm của người gửi tiền sẽ suy giảm, qua đó khuyến khích khách hàng chuyển sang tiền gửi có kỳ hạn để cố định mức lợi suất hiện tại. Do đó, chúng tôi vẫn đánh giá tăng trưởng tiền gửi sẽ tăng tốc trong 6 tháng cuối năm, giúp thu hẹp đáng kể chênh lệch giữa tăng trưởng tín dụng và tiền gửi.

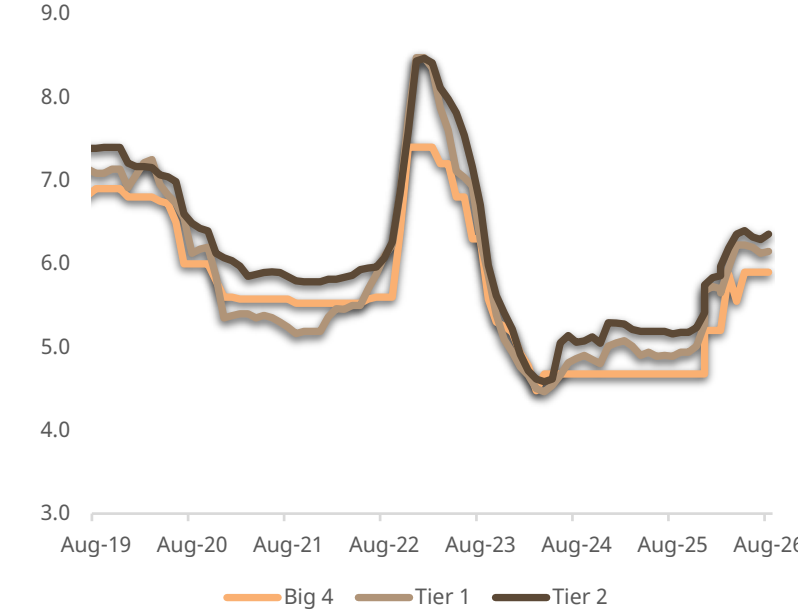
Tăng trưởng tiền gửi (sv. đầu năm)



Tăng trưởng tín dụng vs. tiền gửi + GTCG nhóm NHNN



Lãi suất huy động (12T)



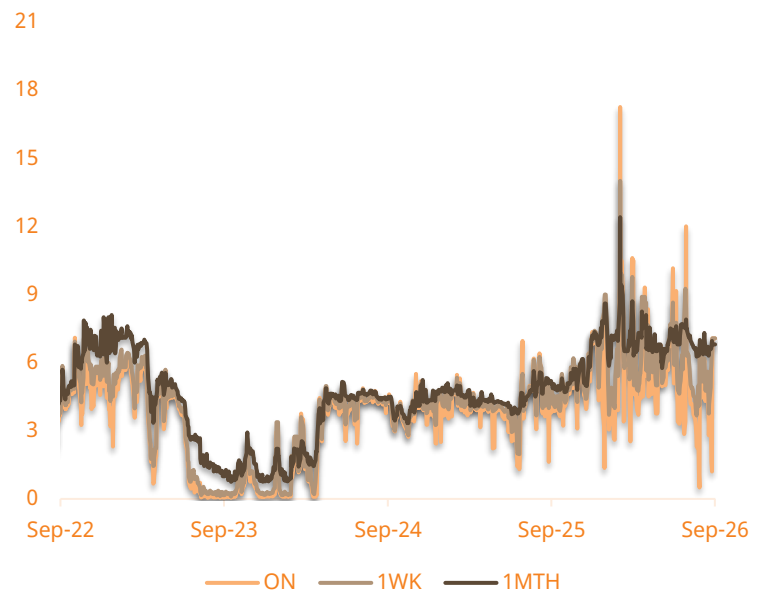
Nguồn: NHNN, Bloomberg, Dữ liệu doanh nghiệp, Mirae Asset Vietnam
Chú thích: Big 4: NHQD; Tier 1: MBB, TCB, VPB, ACB, STB, SHB, HDB; Tier 2: Các NH khác

Huy động và lãi suất (tt.)

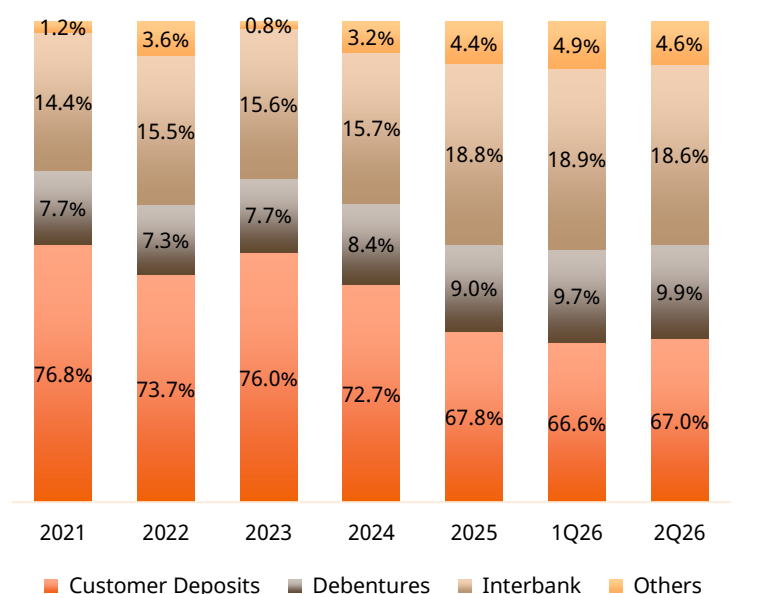
Dần hạ nhiệt

- Dù ghi nhận biến động mạnh tại một vài thời điểm, lãi suất liên ngân hàng đã hạ nhiệt đáng kể.** Sau nhiều quý duy trì điều kiện thanh khoản thắt chặt, LS LNH đã giảm đáng kể khi thanh khoản hệ thống được cải thiện nhờ sự hỗ trợ từ NHNN. Lãi suất qua đêm hiện thời đã giảm về khoảng 0–2% trong Q3/2026, xuống 1.2% vào 27/8. Dù một số kỳ hạn ngắn có lúc tăng lên 5–7% quanh cuối tháng, đây có thể là diễn tiến của nhu cầu cân đối thanh khoản mang tính thời điểm thay vì phản ánh trạng thái căng thanh khoản như giai đoạn trước. Đến giữa quý 3, chênh lệch huy động và cho vay cũng đã thu hẹp phần nào, trong khi sự phụ thuộc cân đối nguồn vốn vào kênh LNH cũng giảm nhẹ (tỷ trọng tiền gửi và GTCG tăng 0.5%p sv.Q1 và 0.1% sv.2025 trong Q2/2026). Với giả định tăng trưởng tiền gửi bắt kịp và vượt trội so với tín dụng và hỗ trợ thanh khoản được duy trì, lãi suất LNH nhiều khả năng sẽ ổn định quanh mức 2–3% trong ngắn hạn, qua đó giảm chi phí huy động tại kênh này và hỗ trợ ổn định NIM.
- Tỷ giá bình ổn, dù vậy vẫn còn rủi ro tiềm ẩn.** Giá trị đồng nội tệ duy trì tương đối vững trước những bất định địa chính trị và triển vọng lãi suất toàn cầu thận trọng. Giá dầu Brent duy trì quanh 90 đô/thùng vào cuối tháng 8, góp phần hạn chế áp lực nhập khẩu lạm phát, giúp CPI và CPI cơ bản bình quân 8T2026 tăng nhưng vẫn nằm trong khung kỳ vọng. Bên ngoài, Fed giữ nguyên lãi suất điều hành ở mức 3.50–3.75% trong kỳ họp tháng 7, nhưng ba thành viên FOMC đã bỏ phiếu tăng lãi suất, cho thấy tồn tại rủi ro thắt chặt trở lại. Dòng vốn FDI bền vững tiếp tục hỗ trợ tỷ giá, với FDI đăng ký tăng 55.4% svck. lên 40.63 tỷ USD với giải ngân tăng 12.0% lên 17.25 tỷ USD, qua đó phần nào bù đắp mức thâm hụt thương mại 20.46 tỷ USD trong 8T2026. Trong khi đó, VND vẫn tương đối ổn định trên thị trường ngân hàng, với tỷ giá bán USD bình quân tại các NHQD gần như không đổi so với đầu năm. Do đó, chính sách của Fed có thể là cơn gió ngược còn lại của tỷ giá trong các tháng cuối năm.

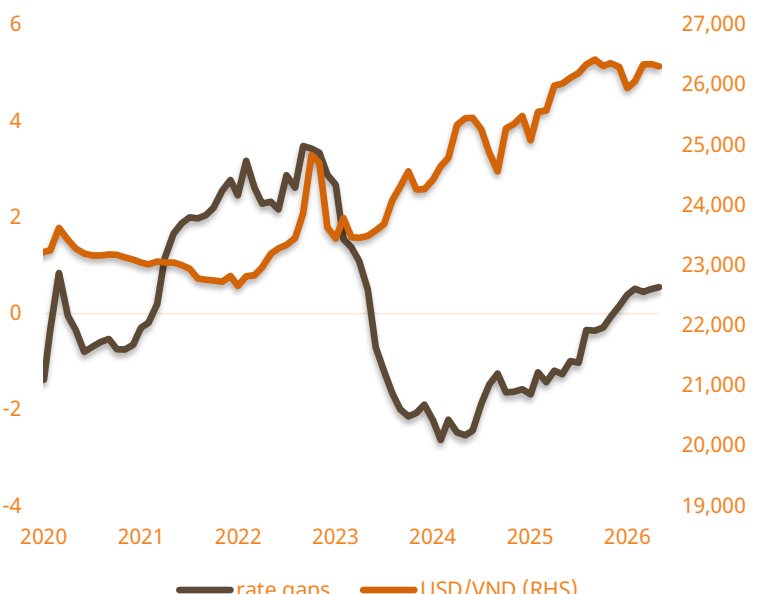
Lãi suất liên ngân hàng (%)



Cơ cấu huy động



Tỷ giá và chênh lệch lãi suất



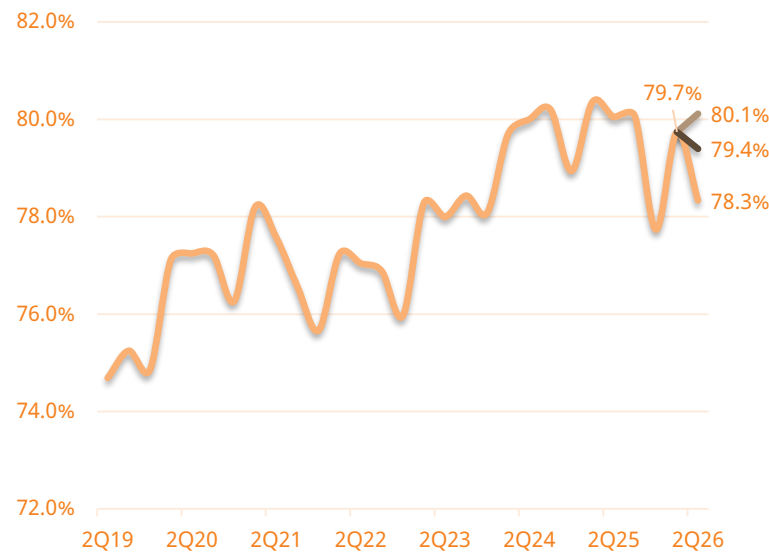
Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Vietnam
Chú thích: ON: LS qua đêm; 1WK: 1 tuần; 1MTH: 1 tháng; Rate gap: Chênh lệch LS

Thanh khoản

Tạo dư địa

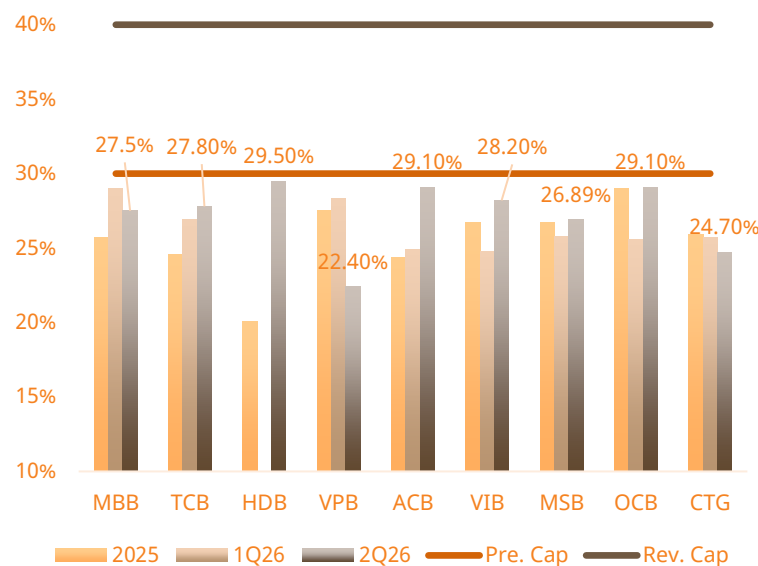
- LDR được hỗ trợ nhờ điều chỉnh chính sách từ phía NHNN trong việc tính tỷ trọng đối với khoản tiền gửi KBNN.** Nếu không có điều chỉnh này, LDR của các NHNY ước vượt mức 80% (trần 85%), khi TTTD tiếp tục cao hơn tăng trưởng tiền gửi. Theo cơ chế ghi nhận 20% được áp dụng trong Q2/2026, LDR bình quân giảm 0.3%p, trong khi các NHQD có thể ghi nhận mức giảm đáng kể hơn 2%p sau khi tỷ lệ được nâng lên 50%. Chính sách này đặc biệt có ý nghĩa trong bối cảnh TTTD 6T2026 tại các NHQD tương đối khiêm tốn. Khi tăng trưởng tiền gửi bắt đầu gia tốc trong Q3/2026, áp lực nới lỏng chính sách thêm có thể giảm bớt. Từ ngày 1/8/2026, theo quyết định 1743/QĐ-NHNN, tỷ lệ tiền gửi có kỳ hạn của KBNN được ghi nhận vào LDR nâng từ 20% lên 50%, áp dụng đến hết tháng 7/2028, qua đó tạo thêm dư địa mở rộng tín dụng.
- Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn (SFMLL) cũng được nới lên 40% từ ngày 1/7/2026.** Trong khi các NHTN nhìn chung hiệu quả hơn trong khâu huy động tiền gửi nhờ chính sách lãi suất linh hoạt, định hướng giảm lãi suất thúc đẩy các ngân hàng cơ cấu kỳ hạn tín dụng dài hơn để bảo vệ biên lợi suất, khiến SFMLL gia tăng và tiệm cận ngưỡng quy định. Điều này có thể hạn chế khả năng mở rộng tín dụng thêm nếu không có điều chỉnh phù hợp, đặc biệt khi nhu cầu vốn dài hạn cho các dự án hạ tầng và đầu tư quy mô lớn vẫn ở mức cao. Do đó, việc nâng trần từ 30% lên 40% theo TT.25/2026 sẽ tạo thêm dư địa linh hoạt cho các ngân hàng trong trung hạn.
- CAR Q2/2026 ổn định, với sự suy giảm nhẹ tại các ngân hàng tăng trưởng nhanh.** Phần lớn các NHNY duy trì bộ đệm vốn, trong khi CAR suy giảm tại một số NH có tốc độ giải ngân mạnh như VPB và HDB khi tăng trưởng lợi nhuận chưa theo kịp. Hiện các NH vẫn đang đóng góp ý kiến cho dự thảo thay thế TT.22/2019. Dự thảo đề xuất thay thế LDR bằng CDR (tỷ lệ tín dụng trên tiền gửi), đồng thời áp dụng các yêu cầu thanh khoản theo chuẩn Basel III về LCR (tỷ lệ bao phủ thanh khoản), NSFR (tỷ lệ nguồn vốn ổn định ròng) và hệ số đòn bẩy. Mặc dù mức trần CDR ban đầu 85% có thể tương đối khắt khe, các đề xuất gần đây nghiêng về việc nâng mức trần trong GD chuyển tiếp lên 95%. Tính toán sơ bộ của một số NH cho thấy các yêu cầu về LCR và NSFR không cách quá xa so với tiêu chuẩn đề xuất, áp lực tuân thủ nhìn chung không quá nặng với cả ngành. Ví dụ theo chia sẻ từ VIB, hiện NH đã đáp ứng các yêu cầu theo dự thảo, bao gồm CDR dưới 95% và NSFR trên 100%. Nhìn chung, với thông lệ điều hành của NHNN, mặc dù lộ trình tuân thủ và nâng chuẩn hoạt động sẽ gây áp lực phần nào lên lợi nhuận nhưng sẽ có mức độ linh hoạt nhất định để cân đối với các mục tiêu vĩ mô khác.

LDR theo mức ghi nhận tiền gửi kỳ hạn KBNN 0%/20%/50%

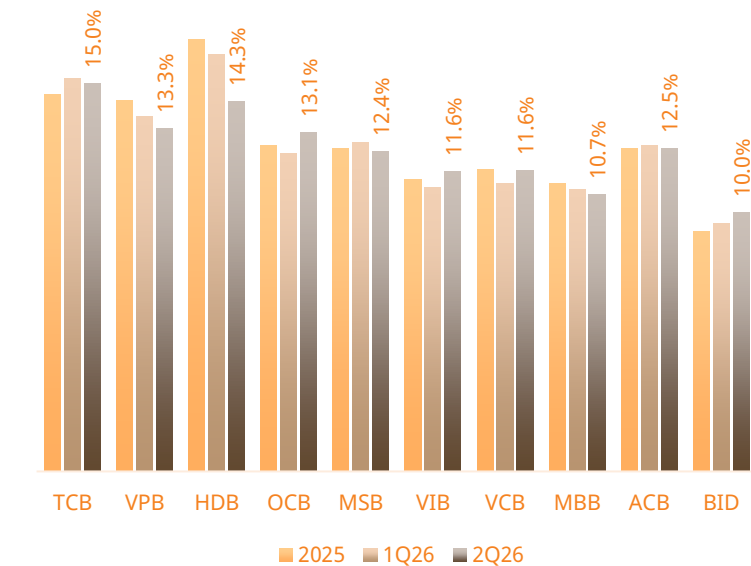


Nguồn: NHNN, Dữ liệu doanh nghiệp, Mirae Asset Vietnam

SFMLL



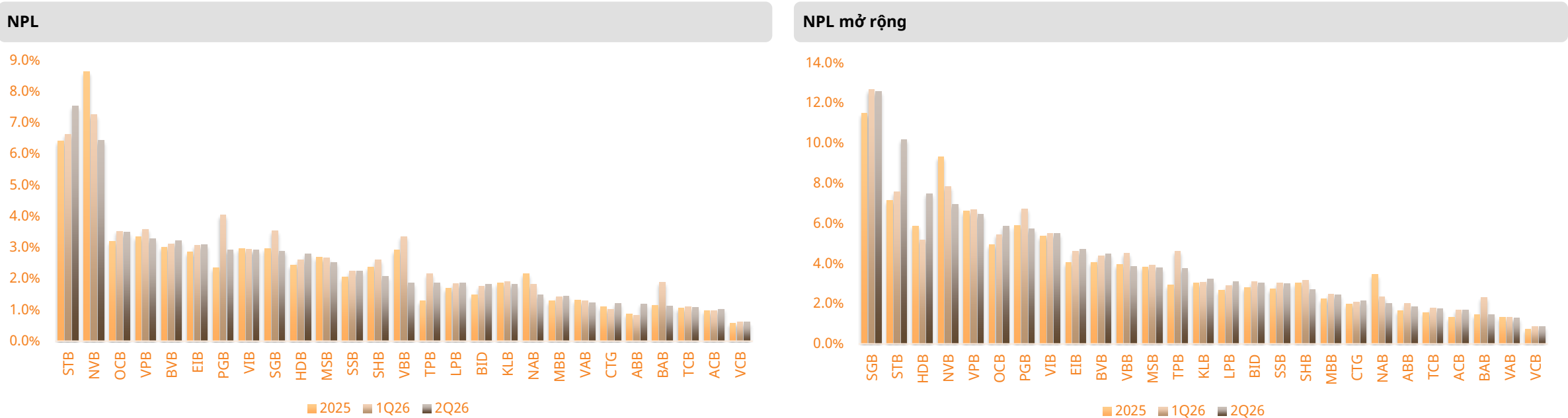
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)



Chất lượng tài sản

Trong tầm kiểm soát

- Chất lượng tài sản nhìn chung ổn định trong Q2/2026, cho thấy chi phí tín dụng có thể sớm hạ nhiệt.** Tỷ lệ nợ xấu (NPL) của các NHNY chỉ tăng nhẹ 1đcb sv.Q1 lên 2.01%, với diễn biến đôi phần phân hóa giữa các ngân hàng nhưng nhìn chung mức thay đổi không đáng kể. Một số ít NH có tỷ lệ thay đổi mạnh như STB, với tỷ lệ NPL tăng 0.9%p, trong khi các ngân hàng quy mô nhỏ như PGB và VBB ghi nhận mức cải thiện đáng kể, lần lượt -1.1%p và -1.5%p. Dù mức tăng NPL rõ rệt chỉ tập trung ở một số ngân hàng, tỷ lệ nợ xấu gộp (nhóm 2-5) của các NHNY vẫn tăng 15đcb sv.Q1, cho thấy tỷ lệ NPL có thể tiếp tục tăng nhẹ trong ngắn hạn.
- Lãi suất kỳ vọng tạo đỉnh hỗ trợ cho xu hướng chất lượng tài sản.** Khi lãi suất được kỳ vọng dần ổn định, thị trường sẽ có thêm thời gian để thích nghi. Mặc dù lãi suất cho vay bình quân tại các ngân hàng đã tăng ~30% từ mức thấp giữa năm 2025 đến cuối tháng 7/2026, mặt bằng lãi suất hiện nhìn chung vẫn nằm trong vùng tương đối bình thường so với giai đoạn trước đại dịch. Mức độ suy giảm hạn chế của chất lượng tài sản trong 2-3 quý trở lại đây cho thấy chi phí vay hiện tại chưa tạo ra cú sốc lớn đối với khả năng trả nợ. Tuy nhiên, mặt bằng lãi suất hiện tại khó có thể xem là quá nới lỏng, đặc biệt trong bối cảnh Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng đầy tham vọng, qua đó hạn chế dư địa cho việc tăng lãi suất đáng kể thêm.



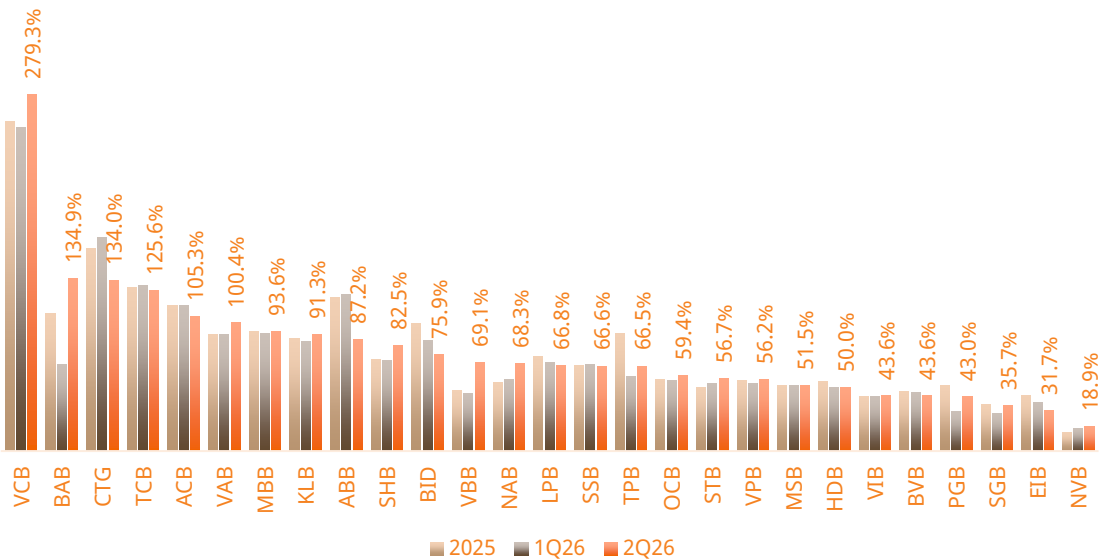
Nguồn: Dữ liệu doanh nghiệp, Mirae Asset Vietnam

Chất lượng tài sản (tt)

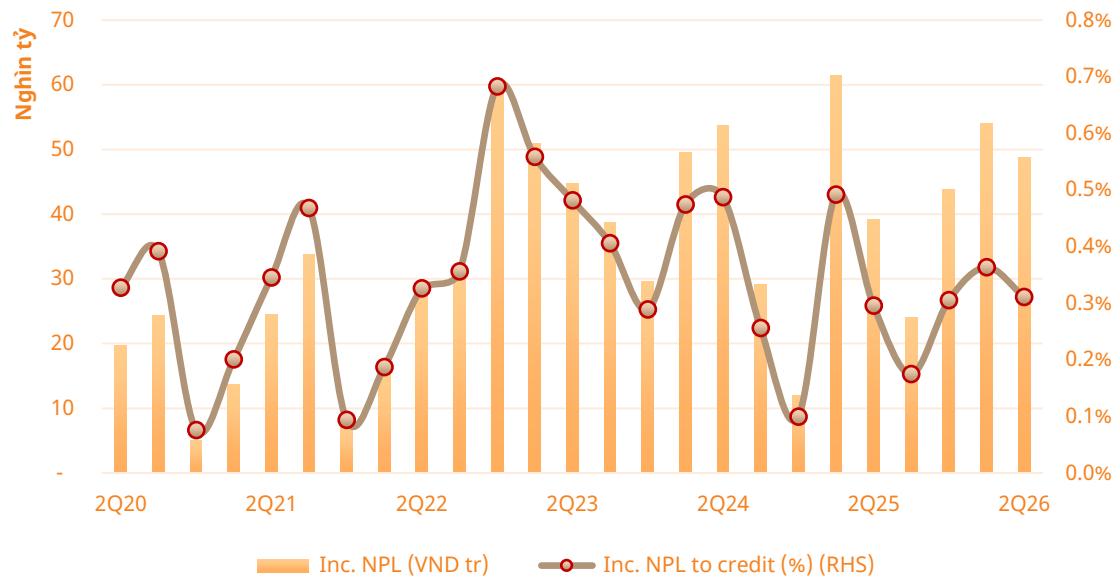
Dao động nhẹ

- Tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLR) của các NHNY giảm 0.6%p sv.Q1 và 3.9%p sv.2025 đến cuối Q2/2026, dù vậy, mức giảm trên chủ yếu đến từ một số ngân hàng có LLR cao tụt đọng phần nào bộ đệm dự phòng.** Chẳng hạn, BID và CTG ghi nhận mức giảm đáng kể lần lượt 24.0%p và 24.8%p sv.2025, trong khi các ngân hàng có mức độ bao phủ tương đối thấp hơn nhìn chung lại ghi nhận LLR cải thiện. LLR trung vị của các NHNY ghi nhận khởi sắc, tăng 3.4%p QoQ và chỉ giảm 1.2p sv.2025, cho thấy xu hướng cơ bản ổn định hơn so với số liệu chung. Tuy nhiên, bộ đệm dự phòng được kỳ vọng gia tăng trở lại, đặc biệt khi tỷ trọng cho vay doanh nghiệp đã tăng nhanh trong hai năm qua và rủi ro tập trung đối với BĐS cũng tích lũy tương đối trong giai đoạn này. Do đó, việc duy trì bộ đệm dự phòng phù hợp vẫn là yếu tố quan trọng.
- Tốc độ hình thành nợ xấu mới cải thiện trong Q2/2026, cả về giá trị tuyệt đối và tương quan với dư nợ.** Giá trị nợ xấu mới hình thành ước tính khoảng 48.7 nghìn tỷ (-9.7% sv.Q1, +11.3% sv. Q4/2025). Tỷ lệ nợ xấu phát sinh giảm 5đcb sv.Q1 xuống 0.31%, tương đương với mức Q4/2025 và thấp hơn đáng kể so với mức 0.7% ghi nhận trong Q3/2022. Tốc độ hình thành nợ xấu mới suy giảm cho thấy mức tăng nhanh trong Q4/2025 và Q1/2026 cũng phần nào mang yếu tố thời vụ và ảnh hưởng bởi lãi suất tăng, thay vì suy yếu mang tính cấu trúc. Trong thời gian tới, kỳ vọng tốc độ hình thành nợ xấu mới sẽ tiếp tục được kiểm soát khi lãi suất cho vay dần ổn định và khách hàng cũng có thời gian thích nghi với mặt bằng lãi suất mới. Trong bối cảnh chính phủ vẫn duy trì mục tiêu tăng trưởng kinh tế cao, môi trường kinh doanh dự kiến duy trì thuận lợi, qua đó hỗ trợ dòng tiền của bên vay và kiềm hãm tốc độ nợ xấu hình thành.

LLR



Nợ xấu phát sinh mới trong quý



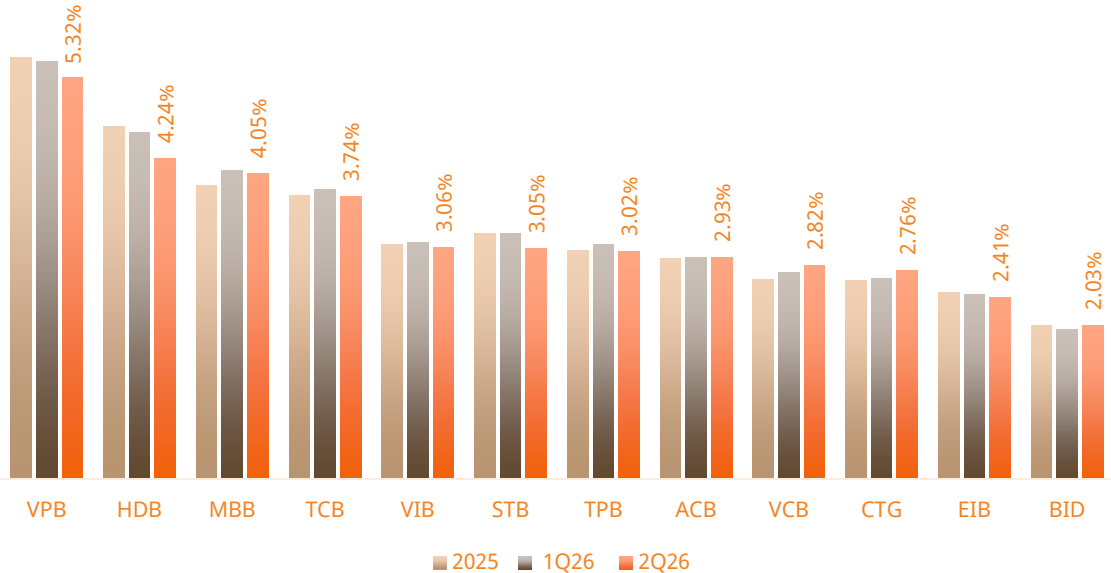
Nguồn: Dữ liệu doanh nghiệp, Mirae Asset Vietnam
Chú thích: Incremental NPL: Nợ xấu phát sinh mới; Inc. NPL to credit: Tỷ lệ nợ xấu phát sinh mới theo tổng tín dụng

Khả năng sinh lời

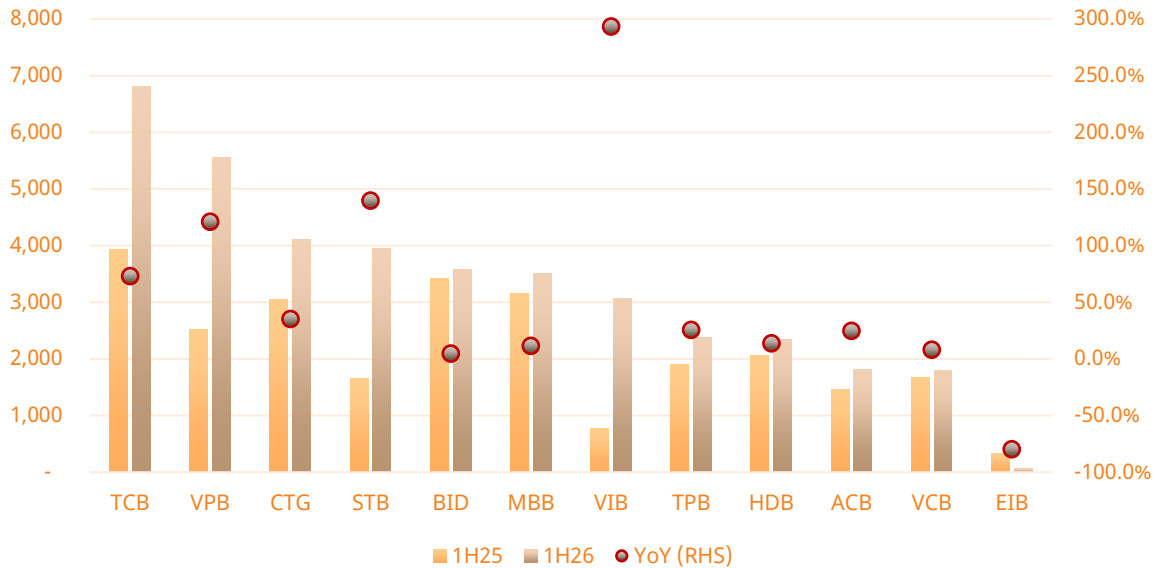
Phục hồi từ lãi

- Biên lãi thuần (NIM) phân hóa tùy theo cách đo lường, nhưng đều cho thấy xu hướng ổn định dần trong Q2/2026.** Trên cơ sở 12T, NIM bình quân của các NHNY giảm nhẹ 3đcb sv.Q1 và 2đcb sv.2025, trong khi NIM theo quý tăng 20đcb sv.Q1 và 13đcb sv.2025, thể hiện NIM cơ bản đã cải thiện rõ hơn. Trong phạm vi theo dõi, bốn ngân hàng ghi nhận NIM tăng trong cả 6T2026 và Q2/2026 gồm VCB, BID, CTG và ACB. Các ngân hàng này nhìn chung có mặt bằng NIM tương đối thấp, tăng trưởng tín dụng chậm hơn và tỷ trọng cho vay bán lẻ duy trì, so với các ngân hàng khác ghi nhận tăng trưởng tín dụng có xu hướng tập trung nhiều hơn vào khách hàng doanh nghiệp. Ngược lại, NIM tiếp tục thu hẹp đáng kể tại một số ngân hàng tăng trưởng nhanh, nổi bật là HDB (-43đcb sv.2025) và VPB (-26đcb).
- Diễn tiến của NIM có phần kém tích cực hơn so với kỳ vọng.** Tuy nhiên, NIM báo cáo có thể chưa phản ánh đầy đủ mức cải thiện thu nhập lãi tại nhiều ngân hàng do cách cấu trúc thu nhập liên quan đến L/C. Một số ngân hàng ghi nhận thu nhập phí tăng mạnh trong Q2/2026 và 6T2026, một phần đến từ thu nhập từ hoạt động mua bộ chứng từ L/C theo phương thức miễn truy đòi. Nếu khoản thu nhập từ sản phẩm này được đưa vào thu lãi thuần (NII) cho mục đích phân tích, mức cải thiện của NIM có thể rõ nét hơn. Trên cơ sở 12T, NIM của TCB ước tính có thể tăng khoảng 10-20đcb svck. hoặc hơn theo cách hạch toán thay thế này, trong khi mức giảm 21đcb svck. được báo cáo tại VPB có thể cũng thấp hơn. Các ước tính này chỉ mang tính tham khảo, do tác động phụ thuộc vào cấu trúc của từng sản phẩm liên quan đến L/C. Trong thời gian tới, kỳ vọng NIM bình quân sẽ duy trì tương đối và có thể dần cải thiện tại một số ngân hàng, được hỗ trợ bởi chênh lệch mặt bằng giữa lãi suất cho vay và huy động ổn định hơn, và độ trễ tác động trong việc điều chỉnh lợi suất cho vay.
- Tỷ lệ chi phí hoạt động trên thu nhập (CIR) 12T tiếp tục cải thiện trong Q2/2026, giảm khoảng 0.6%p sv.Q1 và 1.0%p sv.2025.** Mức cải thiện diễn ra trên diện rộng, trong đó các ngân hàng quy mô nhỏ và vừa nhìn chung ghi nhận mức giảm đáng kể hơn, khi kiểm soát chi phí tiếp tục là một trong những động lực quan trọng đối với lợi nhuận. Còn đối với các NHTM lớn, với CIR vốn đã ở mức tương đối tối ưu, mức cải thiện tương đối nhẹ dưới 1%p. Kỳ vọng CIR sẽ duy trì ổn định trong nửa sau 2026, với dư địa tối ưu chỉ ở mức nhất định và phụ thuộc vào sự hồi phục của các nguồn thu nhập cốt lõi tại các NH nhỏ.

Biên lãi thuần (NIM 12T)



Thu dịch vụ thuần (NSI) (tỷ đồng)



Nguồn: Dữ liệu doanh nghiệp, Mirae Asset Vietnam

Khả năng sinh lời (tt)

Điểm nhấn chất lượng

- Nhóm NHNY tiếp tục ghi nhận một quý tăng trưởng tích cực trong Q2/2026, với LNTT tăng tốc lên 24.5% svck., đưa tăng trưởng 6T2026 lên 19.6%.** Kết quả kinh doanh được hỗ trợ bởi các nguồn thu cốt lõi cải thiện, với NII tăng 17.0% svck. trong Q2/2026 và 16.6% trong 6T2026, trong khi NSI tăng mạnh lần lượt 70.5% và 57.5%. Áp lực trích lập cũng giảm bớt, với CPDP tăng 17.3% svck. trong Q2/2026, thấp hơn mức 27.5% trong Q1/2026. Tuy nhiên, tăng trưởng lợi nhuận phân hóa rõ nét, trong đó các ngân hàng lớn trong danh mục theo dõi của chúng tôi tiếp tục dẫn dắt lợi nhuận toàn ngành. LNTT của nhóm này tăng 27.5% svck. trong Q2/2026 và 23.3% trong 6T2026, đóng góp hơn 82.9% tổng LNTT 6T2026 của NHNY. Tăng trưởng NII cũng thể hiện xu hướng tăng tích cực hơn, lần lượt đạt 22.2% và 20.2%, được hỗ trợ bởi NIM đa phần ổn định hay mở rộng tại các ngân hàng lớn, đặc biệt là nhóm NHQD. NSI cũng tăng lần lượt 56.2% và 50.5%.
- Các nguồn thu cốt lõi tại các ngân hàng nhỏ vẫn đa phần kém tích cực, dù vậy, lợi nhuận đã có cải thiện theo quý.** LNTT ghi nhận tăng 4.2% svck. trong 6T2026 nhưng riêng Q2/2026 tăng 10.8% so với mức giảm 1.8% trong Q1/2026. NII chỉ tăng 3.0% svck. trong 6T2026 và giảm 3.1% trong Q2/2026, trong khi CPDP lần lượt giảm 6.0% và chỉ tăng 13.4%. Sự phân hóa phản ánh khả năng điều tiết NIM có phần hạn chế hơn, khi các ngân hàng nhỏ có ít lợi thế về huy động cũng như chuyển hóa phần gia tăng chi phí huy động sang khách hàng do lo ngại áp lực tăng trưởng bằng cân đối cũng như chất lượng tài sản.
- Kỳ vọng tăng trưởng lợi nhuận sẽ chậm lại trong 2H26, một phần do tác động nền cao; nâng nhẹ dự báo tốc độ gia tăng LNTT năm 2026 lên 15.8% từ 15.4%.** Dự báo mức cải thiện NII được điều chỉnh giảm xuống 18.4% từ 19.1% do diễn biến NIM kém tích cực hơn kỳ vọng, nhưng được bù đắp nhờ việc nâng tăng trưởng NSI ước tính lên 18.5% sau đà tăng mạnh hơn kỳ vọng trong 6T2026. NOI dự kiến vẫn gia tăng tương đối khiêm tốn, đặc biệt là thu nhập từ các tài sản tài chính, do mặt bằng lãi suất nhiều khả năng tiếp tục duy trì ở mức cao trong bối cảnh vẫn còn rủi ro lạm phát và tỷ giá. Dự báo mức tăng CPHĐ được điều chỉnh giảm xuống 13.2% từ 13.6%, trong khi tăng trưởng CPDP giảm 0.9%p xuống +17.9% nhờ chất lượng tài sản nhìn chung vẫn được kiểm soát và một số ngân hàng vẫn còn dư địa tối ưu hóa bộ đệm trích lập.

Lợi nhuận trước thuế 6T2026													
NII			NSI		NOI		CPHĐ		CPDP		LNTT		
MCK	6T2026	svck.	6T2026	svck.	6T2026	svck.	6T2026	svck.	6T2026	svck.	6T2026	svck.	sv. DP sv. KH
ACB	14,774	13.3%	1,818	24.8%	1,455	-46.2%	5,566	2.5%	1,746	60.3%	10,735	0.4%	48.4% 48.1%
BID*	33,538	15.9%	3,585	4.6%	7,213	-5.4%	14,113	6.3%	11,318	6.0%	18,905	17.9%	47.8% 52.5%
CTG	40,116	28.1%	4,116	35.2%	7,255	3.5%	12,617	11.0%	13,001	17.3%	25,868	36.7%	49.0%
HDB	18,236	5.9%	2,350	13.8%	2,098	35.5%	5,654	6.5%	3,828	-30.0%	13,202	31.1%	53.0% 43.9%
MBB	31,807	32.2%	3,514	11.5%	2,543	-52.5%	9,974	12.0%	7,702	-0.9%	20,188	27.1%	49.7% 51.2%
STB	12,289	-8.6%	3,952	139.9%	1,247	165.0%	6,233	-12.5%	7,119	542.7%	4,136	-43.6%	40.4% 51.1%
TCB	20,285	16.3%	6,811	73.1%	1,520	-48.9%	8,489	19.3%	1,587	-24.6%	18,540	22.5%	45.4% 49.4%
TPB	7,094	8.6%	2,384	25.6%	617	-7.2%	4,290	17.9%	1,321	0.5%	4,483	8.1%	43.9% 43.5%
VCB*	36,793	32.1%	1,803	8.2%	8,955	59.4%	15,333	31.3%	2,996	91.8%	29,222	33.5%	54.6% 63.2%
VIB	8,407	9.1%	3,064	293.5%	(243)	-119.7%	3,557	-2.4%	2,486	135.2%	5,186	3.4%	36.4% 44.9%
VPB	34,934	30.2%	5,555	121.1%	2,903	5.4%	8,932	7.9%	15,579	23.7%	18,880	68.1%	48.2% 45.7%

Nguồn: Dữ liệu doanh nghiệp, Mirae Asset Vietnam
Chú thích: (*) : kế hoạch ngân hàng mẹ/vùng thấp của khoảng mục tiêu tăng trưởng

Các chỉ số chính

MCK	Vốn hóa (tỷ)	EPS 12T	LLR (%)	NPL (%)	NIM (%)	ROE (%)	ROA (%)	TTS/VCSH (x)	P/B (x)	P/E (x)
NHTM quốc doanh										
VCB	506,354	3,854	258.3	0.6	2.8	16.4	1.5	10.8	2.2	14.1
BID	298,483	3,774	99.9	1.5	2.2	18.4	1.0	19.8	1.6	9.3
CTG	277,280	4,455	158.8	1.1	2.7	22.4	1.4	15.8	1.5	7.3
TB		4,028	172.3	1.1	2.5	19.1	1.3	15.5	1.8	10.2
NHTM tư nhân Mirae theo dõi										
ACB	117,886	3,022	114.3	1.0	3.0	17.5	1.7	10.6	1.2	7.2
HDB	41,352	610	43.9	2.9	2.5	4.4	0.4	10.0	1.6	55.3
MBB	137,895	3,584	54.8	2.4	4.7	24.5	2.0	12.5	1.7	7.6
EIB	210,638	3,325	93.7	1.3	4.1	21.2	2.0	11.1	1.5	7.6
STB	138,940	3,150	50.0	6.4	3.3	7.8	0.6	14.5	2.3	18.1
TCB	239,869	3,572	128.1	1.1	3.9	15.8	2.4	6.9	1.4	9.2
TPB	44,662	2,668	92.2	1.3	3.0	17.6	1.6	11.6	1.0	6.1
VIB	55,145	2,140	42.9	3.0	3.0	16.4	1.4	11.8	1.1	7.3
VPB	221,753	3,024	55.4	3.3	5.3	16.4	2.2	7.0	1.3	8.4
TB		3,061	78.9	2.5	3.8	17.1	1.7	10.8	1.4	8.9
NHTM khác										
ABB	23,023	2,472	120.4	0.9	2.8	18.2	1.4	12.9	1.0	6.2
BAB	12,115	1,134	107.5	1.2	1.9	9.5	0.7	14.4	0.9	10.1
BVB	7,946	650	46.4	3.0	2.4	6.1	0.4	17.4	1.1	19.1
KLB	8,473	3,209	88.0	1.9	4.4	24.7	1.9	13.0	1.0	4.3
LPB	153,845	3,824	74.0	1.7	2.9	23.4	2.1	12.3	3.1	13.8
MSB	40,716	1,804	51.6	2.7	2.8	14.3	1.6	9.2	0.9	6.9
NAB	24,877	2,438	53.4	2.2	2.8	19.6	1.3	15.5	1.1	5.5
NVB	20,629	0	14.8	8.6	-0.5	-75.0	-3.4	14.3	1.9	66.9
OCB	29,959	1,494	56.3	3.2	2.9	12.7	1.3	9.1	0.9	7.0
PGB	8,581	1,117	40.1	2.6	2.7	6.8	0.5	12.8	1.6	10.3
SGB	4,402	337	36.4	3.0	2.3	2.9	0.4	8.3	1.0	36.2
SHB	67,831	2,577	82.4	2.1	4.1	19.5	1.5	13.0	1.0	5.4
SSB	47,938	1,880	67.0	2.1	2.9	14.2	1.5	9.6	1.2	15.8
VAB	8,327	1,595	91.3	1.3	2.0	11.7	0.9	13.7	0.9	5.9
VBB	14,538	1,123	47.6	2.9	2.0	11.4	0.7	17.0	1.2	12.0
TB		1,994	66.7	2.7	2.9	9.8	1.1	12.1	1.3	15.4

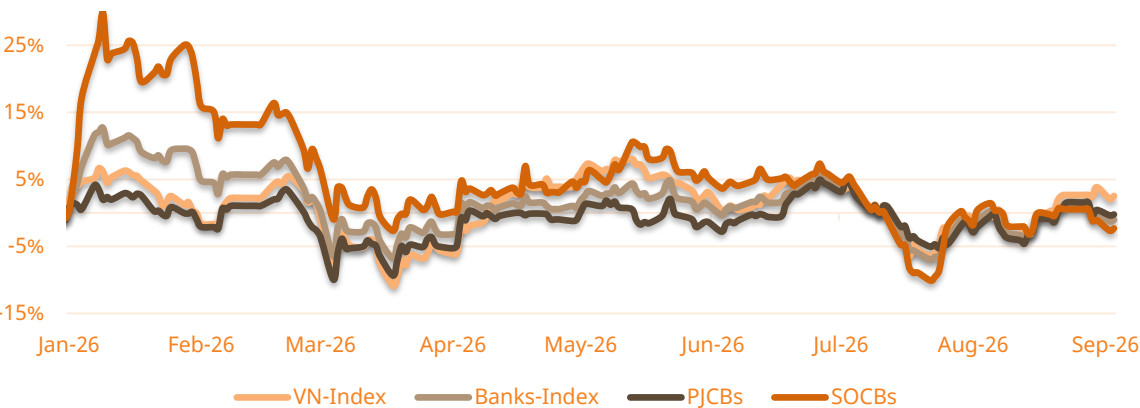
Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Vietnam

Định giá và điểm nhấn đầu tư

Thị giá lệch pha

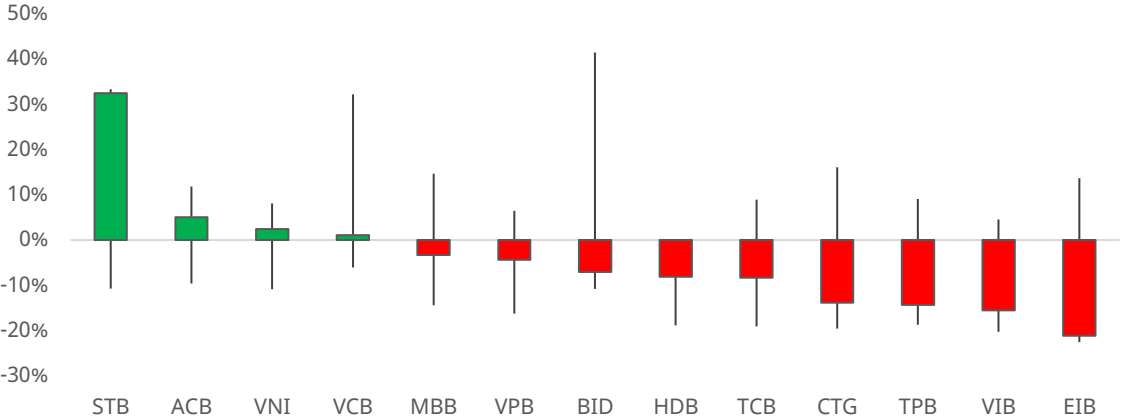
- **Lợi nhuận ngân hàng tăng tốc trong Q2/2026, nhưng vẫn còn thấp hơn một số nhóm ngành lớn.** LNTT của các NHNY tăng 24.5% svck. trong Q2/2026 và 19.6% trong 6T2026, thấp hơn đáng kể so với mức tăng trưởng lợi nhuận của các ngành như dầu khí (+246.7%), BĐS (+172.3%) và bán lẻ (+109.2%) trong Q2/2026. Tuy nhiên, xu hướng giá có phần kém tích cực của nhóm NH so với thị trường chung không phải chỉ do lợi nhuận tăng có phần thấp hơn, mà còn do chỉ số thị trường được dẫn dắt bởi một số cổ phiếu vốn hóa lớn và một vài cổ phiếu có câu chuyện riêng.
- **Lãi suất khó giảm.** Kỳ vọng Fed giảm lãi suất trước đây đã bị đảo chiều khi rủi ro lạm phát quay trở lại và thị trường lao động Mỹ vẫn duy trì tích cực. Kỳ vọng thị trường hiện cho thấy có khoảng 58-68% xác suất cho một đợt tăng 25đcb của Fed tại cuộc họp tháng 9, và có thể còn một đợt tăng trong tháng 12. Quyết định này có thể tiếp tục gây áp lực lên đồng nội tệ và chi phí huy động, khiến mặt bằng lãi suất trong nước khó giảm từ mức hiện tại.
- **Các NHTN gần đây ghi nhận thu hút dòng tiền tốt hơn nhờ tiềm năng tăng trưởng cao.** Vai trò định hình mặt bằng lãi suất cho vay của nhóm NHQD cũng phần nào hạn chế khả năng điều chỉnh biên lợi suất của các NH này, vốn có NIM tương đối mỏng. Điều này khiến khả năng duy trì NIM phụ thuộc nhiều hơn vào quản lý chi phí huy động và tận dụng tối đa dư địa cơ cấu bảng cân đối, nếu phải tiếp tục duy trì vai trò chiến lược. Ngược lại, các NHTN lớn nhìn chung có khả năng điều chỉnh lãi suất linh hoạt hơn và tỷ lệ CASA có phần cao hơn, qua đó vẫn có dư địa hơn để bảo vệ NIM. Nguồn thu nhập phí đa dạng cũng giúp bù đắp áp lực NIM giảm đối với lợi nhuận.
- **Cơ hội đầu tư mở rộng đối với các NHNY ngoại trừ một số ít các ngân hàng đã được định giá vượt trội.** Sau gần 9T2026, hiện vẫn chưa có những cú sốc đối với các khoản vay liên quan đến BĐS do những lo ngại về hạn chế tăng trưởng tín dụng đối với nhóm này và lãi suất leo cao. Ngoài ra, dù tình hình giao dịch có phần ảm đạm và giá BĐS vẫn neo ở vùng cao, các chủ đầu tư đang đưa ra các chính sách ưu đãi nhằm tăng thanh khoản cho thị trường nhờ nghĩa vụ thanh toán thực tế có phần dễ tiếp cận hơn. Vì vậy, chúng tôi cho rằng rủi ro liên quan đến BĐS, đặc biệt là đối với các chủ đầu tư được giảm thiểu phần nào. Bên cạnh đó, định giá của các ngân hàng đã vào vùng hấp dẫn, đa phần dưới -1đlc so với trung bình dài hạn.
- **Dù các rủi ro tập trung giảm thiểu, NHQD và những NHTN có chiến lược tăng trưởng thận trọng vẫn nằm trong nhóm ưu tiên.** Các tiêu chí lựa chọn chính bao gồm: (1) định giá hấp dẫn, đặc biệt ở nhóm NHQD; (2) bộ đệm dự phòng cao cho khả năng hấp thụ chi phí tín dụng cao hơn nếu lãi suất tiếp tục leo thang; (3) chỉ số hiệu quả hoạt động tương đối tốt hơn; và (4) tỷ trọng dư nợ được đa dạng hóa. Ngoài ra, chúng tôi vẫn tương đối thận trọng đối với những NH có dư nợ liên quan đến BĐS cao, vì mặc dù NHNN cho phép miễn trừ dư nợ trong tính toán hạn mức tín dụng đối với một số dự án chiến lược, những khoản tín dụng này vẫn không hoàn toàn phi rủi ro trong dài hạn.

Biểu đồ giá các nhóm ngân hàng so với VN-Index



Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Vietnam
Chú thích: PJCBs: NHTM tư nhân; SOCBs: NHTM quốc doanh; Banks-index: chỉ số ngành NH

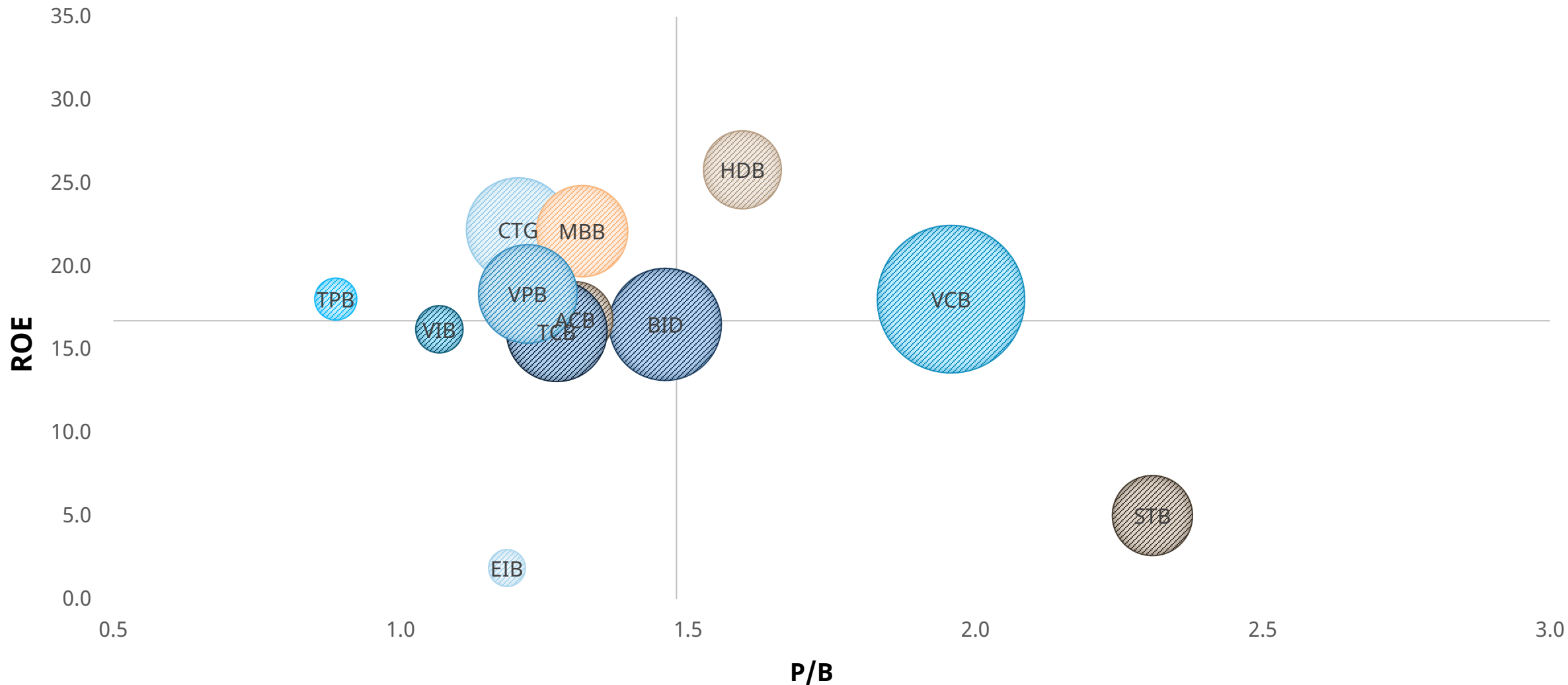
Diễn biến giá của các NHTM (sv. đầu năm 2026)



Định giá và điểm nhấn đầu tư (tt.)

Mức định giá hiện tại

Vốn hóa, ROE, và P/B của các ngân hàng lớn (P/B trung bình 12 NHTM lớn là 1.48x)



Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Vietnam

P/B 5 năm của các ngân hàng

BID



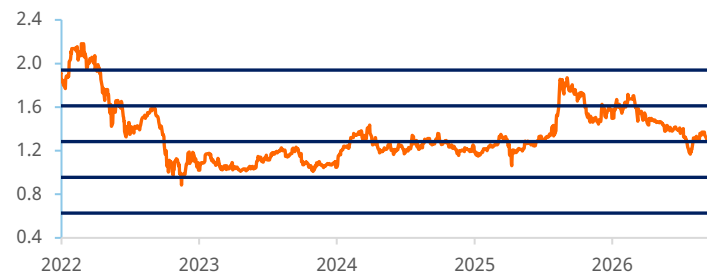
CTG



VCB



MBB



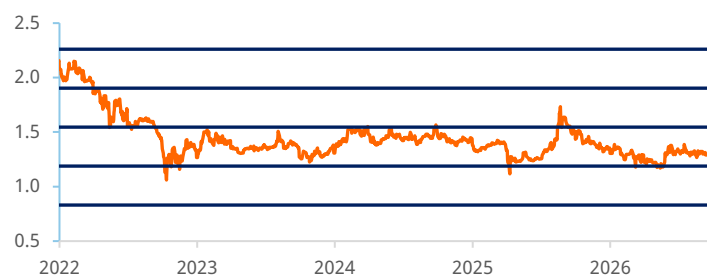
VPB



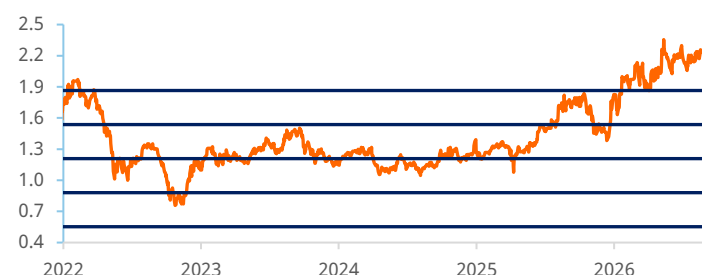
TCB



ACB



STB



HDB



Phụ lục

Hệ thống khuyến nghị cổ phiếu		Thang đánh giá ngành	
Mua	: Lợi nhuận kỳ vọng từ 20% trở lên	Tích Cực	: Các yếu tố cơ bản thuận lợi hoặc đang cải thiện
Tăng Tỷ Trọng	: Lợi nhuận kỳ vọng từ 10% trở lên	Trung Tính	: Các yếu tố cơ bản ổn định và dự kiến không có thay đổi trọng yếu
Nắm Giữ	: Lợi nhuận kỳ vọng trong khoảng +/-10%	Tiêu Cực	: Các yếu tố cơ bản không thuận lợi hoặc theo xu hướng xấu
Bán	: Lợi nhuận kỳ vọng từ -10% trở xuống		
* Hệ thống khuyến nghị của chúng tôi dựa trên lợi nhuận kỳ vọng về tăng trưởng giá cổ phiếu trong vòng 12 tháng tiếp theo. * Giá mục tiêu được xác định bởi chuyên viên phân tích áp dụng các phương pháp định giá được đề cập trong báo cáo, một phần dựa trên dự phóng của người phân tích về lợi nhuận trong tương lai. * Việc đạt giá mục tiêu có thể chịu tác động từ các rủi ro liên quan đến cổ phiếu, doanh nghiệp, cũng như điều kiện thị trường, ví mô nói chung.			

Khuyến cáo

Kể từ ngày phát hành, Chứng Khoán Mirae Asset và các chi nhánh không có bất kỳ lợi ích đặc biệt liên quan đến doanh nghiệp chủ thể và không sở hữu trên 1% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của doanh nghiệp chủ thể.

Xác nhận của chuyên viên phân tích

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm thực hiện báo cáo này xác nhận rằng (i) những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân các tổ chức phát hành và chứng khoán trong báo cáo và (ii) không có phần thù lao nào của chuyên viên phân tích đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Tương tự như các nhân viên trong công ty, Chuyên viên phân tích nhận được thù lao dựa trên doanh thu và lợi nhuận tổng thể của Chứng Khoán Mirae Asset, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, Ngân hàng đầu tư hoặc Tư vấn doanh nghiệp. Tại thời điểm phát hành báo cáo, Chuyên viên phân tích không biết về bất kỳ xung đột lợi ích thực tế, trọng yếu nào của Chuyên viên phân tích hoặc Chứng Khoán Mirae Asset.

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này.

Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài sản nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây.

Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này.

MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành.

Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.

Mirae Asset Securities International Network

Mirae Asset Securities Co., Ltd. (Seoul)

One-Asia Equity Sales Team
Mirae Asset Center 1 Building
26 Eulji-ro 5-gil, Jung-gu, Seoul 04539
Korea

Tel: 82-2-3774-2124

Mirae Asset Securities (USA) Inc.

810 Seventh Avenue, 37th Floor
New York, NY 10019
USA

Tel: 1-212-407-1000

PT. Mirae Asset Sekuritas Indonesia

District 8, Treasury Tower Building Lt. 50
Sudirman Central Business District
Jl. Jend. Sudirman, Kav. 52-54
Jakarta Selatan 12190
Indonesia

Tel: 62-21-5088-7000

Mirae Asset Securities Mongolia UTsk LLC

#406, Blue Sky Tower, Peace Avenue 17
1 Khoroo, Sukhbaatar District
Ulaanbaatar 14240
Mongolia

Tel: 976-7011-0806

Shanghai Representative Office

38T31, 38F, Shanghai World Financial Center
100 Century Avenue, Pudong New Area
Shanghai 200120
China

Tel: 86-21-5013-6392

Mirae Asset Securities (HK) Ltd.

Units 8501, 8507-8508, 85/F
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon
Hong Kong

Tel: 852-2845-6332

Mirae Asset Wealth Management (USA) Inc.

555 S. Flower Street, Suite 4410,
Los Angeles, California 90071
USA

Tel: 1-213-262-3807

Mirae Asset Securities (Singapore) Pte. Ltd.

6 Battery Road, #11-01
Singapore 049909
Republic of Singapore

Tel: 65-6671-9845

Mirae Asset Investment Advisory (Beijing) Co., Ltd

2401B, 24th Floor, East Tower, Twin Towers
B12 Jianguomenwai Avenue, Chaoyang District
Beijing 100022
China

Tel: 86-10-6567-9699

Ho Chi Minh Representative Office

7F, Saigon Royal Building
91 Pasteur St.
District 1, Ben Nghe Ward, Ho Chi Minh City
Vietnam

Tel: 84-8-3910-7715

Mirae Asset Securities (UK) Ltd.

41st Floor, Tower 42
25 Old Broad Street,
London EC2N 1HQ
United Kingdom

Tel: 44-20-7982-8000

Mirae Asset Wealth Management (Brazil) CCTVM

Rua Funchal, 418, 18th Floor, E-Tower Building
Vila Olimpia
Sao Paulo - SP
04551-060
Brazil

Tel: 55-11-2789-2100

Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC

7F, Le Meridien Building
3C Ton Duc Thang St.
District 1, Ben Nghe Ward, Ho Chi Minh City
Vietnam

Tel: 84-8-3911-0633 (ext.110)

Beijing Representative Office

2401A, 24th Floor, East Tower, Twin Towers
B12 Jianguomenwai Avenue, Chaoyang District
Beijing 100022
China

Tel: 86-10-6567-9699 (ext. 3300)

Mirae Asset Capital Markets (India) Private Limited

Unit No. 506, 5th Floor, Windsor Bldg., Off CST
Road, Kalina, Santacruz (East), Mumbai – 400098
India

Tel: 91-22-62661336